TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2023/DS-ST
Ngày: 08/5/2023
V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Kim Thoa
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Huỳnh Văn Thanh
2. Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh

Thư ký phiên Tòa: Ông Phạm Minh Đang – Thư ký tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 08 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 573/2022/TLST-DS ngày 02 tháng 11 năm 2022 về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2023/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 3 năm 2023, và quyết định hoãn phiên tòa số: 56/2023/QĐST-DS, ngày 12/4/2023, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Trần Thị S (cô T), sinh năm 1969. (có mặt)
Địa chỉ: Ấp M, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.
* Bị đơn: 1. Ông Trần Văn T, sinh năm 1964. (Vắng mặt)
Địa chỉ: Tổ 55, ấp 4, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang
2. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1970. (Vắng mặt)
Địa chỉ: Tổ 71, ấp 3, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời trình bày tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị S trình bày:*

Vào ngày 06/02/2021 âm lịch tôi có cho ông Trần Văn T ngụ tổ 55, ấp 4, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang và bà Nguyễn Thị Đ ngụ tổ 71, ấp 3, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang vay số tiền 47.000.000đ. Đến nay ông T bà Đ vẫn chưa trả cho tôi số tiền nêu trên. Nay tôi yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc ông T, bà Đ trả cho tôi số tiền 47.000.000đ và lãi theo mức lãi suất 3%/tháng.

** Bị đơn ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị Đ:*

Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Bà S vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, buộc ông T, bà Đ phải trả cho bà số tiền vốn vay 47.000.000đ, không yêu cầu tính lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị S (cô T) xác định đây là quan hệ tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự; Bị đơn Trần Văn T, Nguyễn Thị Đ có địa chỉ tại xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

[2] Về tố tụng: Bị đơn ông Trần Văn T, bà Nguyễn Thị Đ đã được Tòa án triệu hợp lệ đến dự phiên tòa xét xử sơ thẩm lần thứ hai nhưng ông T, bà Đ vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xét thấy, hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn bà Trần Thị S với bị đơn ông Trần Văn T, bà Nguyễn Thị Đ thực tế đã phát sinh. Tại phiên tòa hôm nay, bà S cung cấp bản chính biên nhận tiền viết tay số tiền 47.000.000đ. Bà S trình bày bà cho ông T, bà Đ vay số tiền này để mua bán mít thỏa thuận miệng hẹn trả trong thời gian 01 tháng, nhưng đến nay cũng đã lâu, nhưng ông T, bà Đ không trả tiền vốn. Nay bà yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc ông T, bà Đ trả cho bà S số tiền vốn vay 47.000.000đ, yêu cầu trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Đối với bị đơn ông Trần Văn T, bà Nguyễn Thị Đ đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng trong đó nêu rõ yêu cầu khởi kiện của bà S, nhưng phía bị đơn không có ý kiến phản đối và không đến dự hòa giải cũng như không tham gia phiên tòa; như vậy là các bị đơn đã mặc nhiên thừa nhận nghĩa vụ của mình đối với nguyên đơn và đây cũng là tình tiết không phải chứng minh được quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Như vậy việc vay tiền giữa bà S và ông T, bà Đ thực tế đã phát sinh. Để đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp bà S, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà S là có căn cứ, cần chấp nhận. Buộc bị đơn ông Trần Văn T, bà Nguyễn Thị Đ phải có nghĩa vụ trả cho bà S số tiền vốn vay là 47.000.000đ, thực hiện việc trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

[3] *Về án phí:* Ông Trần Văn T, bà Nguyễn Thị Đ phải chịu án phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị S (cô T).

Buộc ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị Đ phải có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị S số tiền vốn vay là 47.000.000 đồng (Bốn mươi bảy triệu đồng). Việc trả tiền thực hiện ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà S có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông T, bà Đ chậm thi hành đối với phần tiền thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

[2] *Về án phí:* Ông T, bà Đ phải chịu 2.350.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại bà Trần Thị S số tiền 1.175.000đ tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tiền số 0016881, ngày 01/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy.

[3] *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn bà Trần Thị S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Trần Văn T, bà Nguyễn Thị Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Tiền Giang;*
- *VKSND H.Cai Lậy;*
- *Chi cục THADS H.Cai Lậy;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Kim Thoa